

Số: 2045/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 09 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch định giá đất
cụ thể năm 2023 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số
36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết phương pháp
xác định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư
vấn xác định giá đất; số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 01 năm 2015 quy
định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số
44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22 tháng
6 năm 2016 của Liên Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc
thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm
định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ
Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ
chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Lai Châu về định giá đất cụ thể năm 2023 trên địa bàn tỉnh
Lai Châu;*

*Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu: số 1276/QĐ-
UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm, số
lượng dự án, công trình và bổ sung số lượng dự án, công trình trong Quy hoạch
sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Nậm Nhùn; số 1325/QĐ-UBND ngày
16 tháng 8 năm 2023 phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm, số lượng dự án,
công trình và bổ sung số lượng dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất*

thời kỳ 2021-2030 của huyện Tam Đường; số 1438/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình và bổ sung số lượng dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Phong Thổ; số 1475/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình và bổ sung số lượng dự án, công trình trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Sìn Hồ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2932/TTr-STNMT ngày 01 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2023 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Bổ sung 34 công trình, dự án cần định giá đất cụ thể vào Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2023 trên địa bàn tỉnh, trong đó:

a) Công trình, dự án cần xác định giá cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo Điều 61 và Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 là 32 công trình, dự án, cụ thể:

- Huyện Phong Thổ 07 công trình, dự án;
- Huyện Sìn Hồ 01 công trình, dự án;
- Huyện Nậm Nhùn 22 công trình, dự án;
- Huyện Mường Tè 01 công trình, dự án;
- Huyện Tam Đường 01 công trình, dự án.

b) Công trình, dự án cần xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất là 02 công trình, dự án, cụ thể:

- Huyện Nậm Nhùn 01 công trình, dự án;
- Huyện Tam Đường 01 công trình, dự án.

(Có danh mục các công trình, dự án kèm theo)

2. Dự toán kinh phí thực hiện: Thực hiện theo Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất và Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đơn giá xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất và định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3. Nguồn vốn thực hiện: Được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

4. Thời gian thực hiện: Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các huyện: Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Phong Thổ, Tam Đường tổ chức triển khai xây dựng, thẩm định, phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền tại Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2023. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện xác định giá đất cụ thể về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân các huyện: Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Phong Thổ, Tam Đường tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Phong Thổ, Tam Đường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy (đề B/c);
- TT. HĐND tỉnh (đề B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V1, V3, CB;
- Lưu: VT, Kt4, Kt5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Trọng Hải

DANH MỤC

Các công trình, dự án bổ sung vào Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2023

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày/...../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Tổng cộng	Diện tích thu hồi cần định giá chia theo nhóm đất (ha)		Ghi chú
				Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
Tổng cộng: 34 công trình, dự án			196,4773	149,8950	46,5823	
A	Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất (32 công trình, dự án)		153,5473	149,8950	3,6523	
I	Huyện Phong Thổ (07 công trình, dự án)		25,86	25,52	0,34	
1	Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 3) khu KTQP Phong Thổ, tỉnh Lai Châu/QK2 (xây mới đoạn tuyến từ Dền Thàng B đến bản San Cha và bản Ma Can)	Xã Đào San	4,29	4,29		
2	Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Lán Nhi Thàng	Xã Lán Nhi Thàng	0,11	0,11		
3	Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 3) khu KTQP Phong Thổ, tỉnh Lai Châu/QK2 (nâng cấp mở rộng đoạn tuyến từ bản Tả Phùng đến bản Tả Ô)	Xã Vàng Ma Chải	2,42	2,39	0,03	
4	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Phong Thổ, tỉnh Lai Châu Xã Mường So	Xã Mường So	0,11	0,11		
5	Hạ tầng thiết yếu khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng (Tuyến Km2+800 đến Km7 hạng mục Đường từ cầu Km1 đến khu vực Pô Tô và Kè chỉnh trị suối khu vực 43 ha, san lấp tạo mặt bằng)	Xã: Huổi Luông, Ma Li Pho	7,27	6,96	0,31	
6	Sắp xếp ổn định dân cư bản Khu Bình An (bản Mán Tiên) xã Bản Lang	Xã Bản Lang	11,54	11,54		
7	Trụ sở làm việc Công an xã Khổng Lào	Xã Khổng Lào	0,12	0,12		
II	Huyện Sìn Hồ (01 công trình, dự án)		31,02	28,71	2,31	
1	Nâng cấp, cải tạo đường đường tỉnh 128	Các xã: Sà Dề Phìn, Tả Ngảo; Làng Mô và thị trấn Sìn Hồ	31,02	28,71	2,31	
III	Huyện Nậm Nhùn (22 công trình, dự án)		96,12	95,12	1,00	

1	Sắp xếp ổn định dân cư bản Nậm Pồ, xã Nậm Manh, bản Nậm Cười, xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn	Xã Nậm Manh, xã Nậm Hàng, xã Hua Bum	18,23	17,23	1,00	
2	Kiên cố hóa đường giao thông từ Km 43 đến trung tâm xã Nậm Chà	Xã Mường Mô, Nậm Chà	2,51	2,51		
3	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia đến các bản thuộc xã Nậm Pi (Nậm Vời, Pá Sập, Pá Đờn)	Xã Nậm Pi	2,88	2,88		
4	Xử lý diễm tiềm ẩn tai nạn giao thông đoạn Km 23- Km 24 (Đường tỉnh lộ 127)	Xã Nậm Hàng, thị trấn Nậm Nhùn	1,13	1,13		
5	Đường giao thông từ bản Pa Cheo đến nhóm Dền Thành	Xã Hua Bum	6,65	6,65		
6	Đường đi khu sản xuất từ bản Táng Ngá đi Huổi Sớ	Xã Nậm Chà	10,02	10,02		
7	Trụ sở làm việc Thị trấn Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	0,10	0,10		
8	Đường giao thông vùng cây ăn quả tại xã Mường Mô	Xã Mường Mô	3,48	3,48		
9	Cấp nước Trung tâm xã Nậm Ban	Xã Nậm Ban	0,50	0,50		
10	Đường giao thông vùng Quế cây gỗ lớn xã Nậm Manh	Xã Nậm Manh	2,30	2,30		
11	Khu xử lý rác thải Trung tâm xã Mường Mô	Xã Mường Mô	0,40	0,40		
12	Kiên cố hóa đường giao thông từ bản Huổi Chát, xã Nậm Manh đến Trung tâm xã Nậm Chà	Xã Nậm Chà, Nậm Manh	1,20	1,20		
13	Cứng hóa đường giao thông đến bản Nậm Nghe	Xã Hua Bum	4,90	4,90		
14	Thủy Lợi cụm Nậm Chẻ, bản Hua Páng, xã Nậm Ban	Xã Nậm Ban	0,40	0,40		
15	Thủy lợi Nhóm Dúa Vàng bản Pề Ngài 2, xã Nậm Pi	Xã Nậm Pi	0,70	0,70		
16	Đường giao thông liên vùng từ bản Huổi Van - Nậm Lay, xã Nậm Hàng - bản Nậm Cười, xã Hua Bum, huyện Nậm Nhùn	Xã Nậm Hàng, xã Hua Bum	37,35	37,35		
17	Thủy lợi bản Nậm Nghe, xã Hua Bum	Xã Hua Bum	0,50	0,50		
18	Đường Nội đồng Nậm Xuân, xã Mường Mô	Xã Mường Mô	1,00	1,00		
19	Đường Nội đồng Nậm Mô, xã Mường Mô	Xã Mường Mô	1,00	1,00		
20	Đường nội thị, thị trấn Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	0,40	0,40		

21	Trụ sở Hạt kiểm lâm huyện Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	0,27	0,27		
22	Xây dựng mới đường dây 35KV Chăn Nưa - Pá Pon	Xã Nậm Pi	0,20	0,20		
IV	Huyện Mường Tè (01 công trình, dự án)		0,21	0,21	-	
1	Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Khao	Xã Nậm Khao	0,21	0,21		
V	Huyện Tam Đường (01 công trình, dự án)		0,3373	0,3350	0,0023	
1	Xử lý điểm đen tai nạn giao thông đoạn Km46 + 800- Km47 + 700/QL.4D, tỉnh Lai Châu	Xã Giang Ma	0,3373	0,3350	0,0023	
B	Xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất (02 công trình, dự án)		42,93	-	42,93	
I	Huyện Nậm Nhùn (01 công trình, dự án)		3,30	-	3,30	
1	Xây dựng hạ tầng các khu đất ở đô thị trục đường Lò Văn Hặc, thị trấn Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	3,30		3,30	
II	Huyện Tam Đường (01 công trình, dự án)		39,63	-	39,63	
1	Một phần khu A và Khu D “Quần thể khu du lịch nghỉ dưỡng Vườn Địa Đàng Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Xã Sơn Bình	39,63		39,63	